TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HS-ST
Ngày 19-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Quang Sáng.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Mạnh Hùng.**
Bà **Vương Thị Thu Lan.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nghiêm Thị Vân Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Cao Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2023; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HS ngày 07-12-2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/8/1976, tại huyện V, tỉnh Yên Bái. Nơi ĐKNKTT tại: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 3/12; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Thân T (Đã chết), con bà Hoàng Thị K, sinh năm 1944. Có vợ là Đặng Hồng T (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 18/6/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng về tội đánh bạc theo Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HS-ST. Ngày 18/12/2021 bị cáo chấp hành xong bản án hình sự nêu trên.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú số 66/LCĐKNCT ngày 04/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn T1, sinh ngày 11/3/1989, tại huyện V, tỉnh Yên Bái. Nơi ĐKNKTT tại: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Thân T (Đã chết), con bà Hoàng Thị K, sinh năm 1944. Có vợ là La Thị H, sinh năm 1988 và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú số 67/LCĐKNCT ngày 04/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Lương Thị Ngọc Phương – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã C1, huyện V, tỉnh Yên Bái. Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Đức C2, sinh năm 1984 – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C1, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đào Văn P, sinh năm 1967. Có mặt
Trú tại: Thôn N, xã C1, huyện V, tỉnh Yên Bái.

+ Anh Triệu Tòn V, sinh năm 1988. Vắng mặt
Trú tại: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái.

+ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974. Vắng mặt
Trú tại: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do cần đất canh tác nên trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023 Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 đã thực hiện hành vi chặt phá rừng, cụ thể như sau:

Đối với Nguyễn Văn T: Đầu tháng 6 năm 2022 T một mình đi lên lô 10, khoảnh 12, tiểu khu 97 rừng phòng hộ thuộc khu K, thôn B, xã C1, huyện V, tỉnh Yên Bái dùng dao phát chặt hạ các cây gỗ nhỏ, cây vầu, cây bụi cỏ. T phát phá liên tục trong khoảng 1 tuần thì dừng lại đi về nhà. Đến tháng 8 năm 2022 T quay lại đốt dọn và trồng một vụ lúa nương. Đến đầu năm 2023 T thu hoạch lúa nương rồi đi xin và mua được khoảng 3.000 cây quế giống mang về trồng toàn bộ diện tích đất rừng mà mình đã phát phá. Quá trình điều tra đã xác định được, diện tích mà Nguyễn Văn T phát phá là 4.176m^2; lâm sản bị thiệt hại là 1.074 cây vầu có đường kính gốc trung bình 7,5cm.

Đối với Nguyễn Văn T1: Đầu tháng 6 năm 2022 T một mình đi lên lô 3 và lô 10, khoảnh 12, tiểu khu 97 rừng phòng hộ thuộc khu K, thôn B, xã C1, huyện V, tỉnh Yên Bái dùng dao phát chặt hạ các cây gỗ nhỏ, cây vầu, cây gỗ nhỏ. T1 phát phá liên tục trong khoảng 02 ngày thì dừng lại đi về nhà. Đến tháng 8 năm 2022 T1 quay lại đốt dọn và trồng khoảng 2.000 cây quế giống trên diện tích đất rừng mà mình đã phát phá. Quá trình điều tra đã xác định được, diện tích mà Nguyễn Văn T1 phát phá là 6.145m^2; lâm sản bị thiệt hại là 806 cây vầu có đường kính gốc trung bình 08cm.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 21/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Văn Yên kết luận: Tổng giá trị bị thiệt hại của tài sản trưng cầu định giá là 39.480.000 đồng, trong đó:

- 1.074 cây vầu có đường kính gốc trung bình 7,5cm được ghi nhận trong biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 18/5/2023 do Nguyễn Văn T phát phá tại thời điểm tháng 6 năm 2022 là 22.554.000 đồng.

- 806 cây vầu có đường kính gốc trung bình 08cm được ghi nhận trong biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 18/5/2023 do Nguyễn Văn T1 phát phá tại thời điểm tháng 6 năm 2022 là 16.926.000 đồng.

Toàn bộ diện tích rừng bị Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 phát phá thuộc thôn B, xã C1 đã được bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã C1, huyện V, tỉnh Yên Bái quản lý, trông coi, bảo vệ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 22/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Tại quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C1 đã giao cho Ban quản lý rừng cộng đồng thôn B, xã C1 quản lý, người đại diện của Ban quản lý là ông Đào Văn P – Trưởng ban.

Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 đều khai nhận toàn bộ hành vi phát, phá rừng của mình như nội dung trình bày ở trên. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thiếu đất canh tác nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phát phá rừng với mục đích để lấy đất trồng cây tăng gia sản xuất, phát triển kinh tế gia đình. Quá trình điều tra T và T1 mỗi bị cáo đã bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã C1 số tiền 2.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra.

Ngoài hành vi của Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 còn có Triệu Tòn V, sinh năm 1988 trú tại thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái có hành vi phát, phá rừng phòng hộ tại lô 10, khoảnh 1, tiểu khu 97 thuộc địa phận thôn B, xã C1, huyện V với diện tích 2.935m^2 rừng phòng hộ, lâm sản bị thiệt hại 485 cây vầu có đường kính gốc trung bình từ 04cm đến 11cm. Triệu Tòn V không có tiền án, tiền sự về hành vi này nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc sang Hạt kiểm lâm huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái để xem xét xử lý hành chính theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn có Nguyễn Văn Q trong thời gian làm nương quế, Q có phát hiện một mảnh nương đã bị phát phá trước đó, Q nghe nói là của Nguyễn Thanh S nhưng không trồng cấy gì nên Q đã dọn một phần để trồng quế như vậy Q không phải là người phát phá nên hành vi này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không có căn cứ xử lý đối với Nguyễn Văn Q trong vụ án này.

Đối với Nguyễn Thanh S: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần triệu tập, đấu tranh với S nhưng S không thừa nhận hành vi phát phá rừng. Ngoài lời khai của Q ra không còn căn cứ nào khác để chứng minh hành vi của S nên không có căn cứ xử lý S trong vụ việc này.

Về trách nhiệm dân sự: Ủy ban nhân dân xã C1 yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường phần còn lại của giá trị lâm sản bị thiệt hại, trong đó yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 20.554.000 đồng, bị cáo T1 bồi thường số tiền 14.926.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKS-VY ngày 24/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 về tội hủy hoại rừng theo điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giữ nguyên quyết định truy tố; qua phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; phân tích các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 phạm tội Hủy hoại rừng. Đối với Nguyễn Văn T đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b,s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Đối với Nguyễn Văn T1 đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Do các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, gia đình các bị cáo đều thuộc hộ nghèo nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với cả hai bị cáo. Về trách nhiệm dân sự xác nhận các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo đã bồi thường được 2.000.000 đồng. Đề nghị áp dụng các điều 584, 585, 588, 589 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã C1 phần thiệt hại còn lại, trong đó bị cáo T phải bồi thường 20.554.000 đồng, bị cáo T1 phải bồi thường 14.926.000 đồng. Đồng thời đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Các bị cáo thuộc hộ nghèo nên đề nghị miễn án phí cho các bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326.

Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà kiểm sát viên đã đưa ra. Qua tranh luận tại phiên tòa thấy rằng các bị cáo sống tại vùng có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn; gia đình đều thuộc hộ nghèo, do không có đất canh tác nên mới thực hiện hành vi vi phạm. Hai bị cáo là anh em ruột, bị cáo T1 có con còn nhỏ, bị cáo T đã ly hôn phải tự nuôi con. Các bị cáo phạm tội trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T1 có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự để cho bị cáo T1 được hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo được ở nhà chăm sóc gia đình. Do các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo biết việc mình làm là vi phạm pháp luật, nhất trí với ý kiến của người bào chữa, không có tranh luận bổ sung gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt ở mức thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo có điều kiện chăm sóc gia đình, làm ăn kinh tế bồi thường thiệt hại.

Đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định của pháp luật và buộc các bị cáo phải tiếp tục bồi thường phần thiệt hại còn lại cho Ủy ban nhân dân xã C1, trong đó phần của bị cáo T là 20.554.000

đồng, bị cáo T1 là 14.926.000 đồng. Đồng thời yêu cầu các bị cáo phải nhổ hết cây quế đã trồng, không được tiếp tục canh tác trên diện tích rừng phòng hộ đã chặt phá mà để cho cây rừng mọc tự nhiên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa, nguyên đơn dân sự, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp bản kiểm điểm, các bản khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Với mục đích lấy đất trồng quế nên vào tháng 6 năm 2022 Nguyễn Văn T đã dùng dao phát phá 4.176m^2 rừng tự nhiên phòng hộ tại lô 10, khoảnh 12, tiểu khu 97 thuộc địa phận thôn B, xã C1, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái gây thiệt hại về lâm sản gồm 1.074 cây vầu có đường kính gốc trung bình 7,5cm, giá trị lâm sản bị thiệt hại là 22.554.000đ. Cũng trong khoảng tháng 6 năm 2022 Nguyễn Văn T1 đã dùng dao phát phá 6.145m^2 rừng tự nhiên phòng hộ tại lô 3 và lô 10, khoảnh 12, tiểu khu 97 thuộc địa phận thôn B, xã C1, huyện V, tỉnh Yên Bái gây thiệt hại về lâm sản gồm 806 cây vầu có đường kính gốc trung bình 08cm, giá trị lâm sản bị thiệt hại là 16.926.000đ. Các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi do mình thực hiện là vi phạm pháp luật. Vì vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Hủy hoại rừng, với tình tiết định khung là "Rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000 mét vuông đến dưới 7.000 mét vuông" theo quy định điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên đã truy tố đối với Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội mà Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm các quy định về chính sách của Nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, gây khó khăn cho công tác bảo vệ rừng tại địa phương. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và là bài học để cảnh tỉnh, phòng ngừa chung đối với những người có ý định phát, phá rừng lấy đất trồng cấy.

Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 thực hiện hành vi độc lập, mỗi bị cáo phát phá vị trí, diện tích rừng khác nhau nên không là đồng phạm, mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi do mình thực hiện.

[4] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, xét nhân thân các bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo đều được tuyên truyền về chính sách bảo vệ rừng nên nhận thức được hành vi do mình thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự, có hình phạt đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có xem xét các bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Tày), sống tại khu vực đặc biệt khó khăn, hoàn cảnh gia đình khó khăn đều là hộ nghèo. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Quá trình điều tra mỗi bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 2.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả do mình gây ra. Nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa người bào chữa đề nghị cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự với lý do phạm tội do hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị ngày là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Văn T ngày 18/6/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 1 năm 06 tháng về tội "Đánh bạc" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HS-ST. Ngày 18/12/2021 T chấp hành xong hình phạt, tính đến tháng 6 năm 2022 T chưa được xóa án tích nên bị coi là có tiền án, lần phạm tội này là tái phạm. Vì vậy, T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Còn bị cáo Nguyễn Văn T1 tuy có nhân thân tốt nhưng phát phá diện tích rừng lớn hơn diện tích rừng mà bị cáo T phát phá nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc, phù hợp với tình chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo.

Do các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

[5] Đối với các đối tượng khác: Đối với Triệu Tòn V có hành vi phát, phá rừng phòng hộ tại lô 10, khoảnh 1, tiểu khu 97 thuộc địa phận thôn B, xã C1, huyện V với diện tích 2.935m^2 rừng phòng hộ, lâm sản bị thiệt hại 485 cây vầu có đường kính gốc trung bình từ 04cm đến 11cm. Triệu Tòn V không có tiền án, tiền sự về hành vi này nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng", Cơ quan điều tra đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc sang Hạt kiểm lâm huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái để xem xét xử lý hành chính theo quy định của pháp luật. Đối với hành vi của Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thanh S không có đủ căn cứ để chứng minh hành vi của Q và Sơn nên không xem xét trong vụ việc này.

Đối với ông Đào Văn P – Trưởng ban quản lý rừng cộng đồng thôn B, xã C1 nơi các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 phát, phá rừng phòng hộ. Ban quản lý rừng đã tuyên truyền đối với các bà con nhân dân địa phương về chính sách bảo vệ rừng. Ban quản lý đã phân công các tổ bảo vệ đi tuần tra rừng thường xuyên. Việc các bị cáo T, T1 phát, phá rừng ông P không biết nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo đã bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã C1 số tiền 2.000.000 đồng. Nay nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường thiệt hại còn lại. Xét thấy các bị cáo đã có hành vi phát, phá rừng phòng hộ, gây thiệt hại về lâm sản nên các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo giá trị lâm sản bị thiệt hại. Vì vậy, áp dụng các điều 584, 585, 588, 589 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 phải tiếp tục bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã C1, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái số tiền còn lại, trong đó phần của Nguyễn Văn T là 20.554.000 đồng, phần của Nguyễn Văn T1 là 14.926.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 1.074 cây vầu có đường kính gốc trung bình 7,5cm, 806 cây vầu có đường kính gốc trung bình 08cm ở lô 3 và lô 10, khoảnh 12, tiểu khu 97 tại địa phận thôn B, xã C1 đã được giao cho Ủy ban nhân dân xã C1, huyện V, tỉnh Yên Bái quản lý nên Ủy ban nhân dân xã C1 có quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Do các bị cáo phạm tội, bị xử phạt và phải bồi thường nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Van T1 là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1** phạm tội "Hủy hoại rừng".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Đối với Nguyễn Văn T: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b,s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Đối với Nguyễn Văn T1: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 585, 588, 589 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 phải tiếp tục bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã C1, huyện V, tỉnh Yên Bái, trong đó bị cáo T phải bồi thường 20.554.000 đồng, bị cáo T1 phải bồi thường 14.926.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Giao cho Ủy ban nhân dân xã C1 xử lý đối với 1.074 cây vầu có đường kính gốc trung bình 7,5cm, 806 cây vầu có đường kính gốc trung bình

08cm tại lô 3 và lô 10, khoảnh 12, tiểu khu 97 tại địa phận thôn B, xã C1, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án, nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo phần trách nhiệm dân sự trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người liên quan có mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKS, Công an, THA huyện Văn Yên;
- Các bị cáo (tại ngoại 02);
- Nguyên đơn dân sự;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Người liên quan (03);
- Lưu HSơ, Tập án, THA (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quang Sáng